

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 396 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 19/2024/TLST-VHNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Anh **Trương Văn T**, sinh năm 1994; nơi cư trú: **thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình.**

+ Chị **Hồ Phương T1**, sinh năm 2004; nơi cư trú: **thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình.**

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn ngày 17/7/2024, ông **Trương Văn T** và bà **Hồ Phương T1** đều thừa nhận vợ chồng kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình** ngày 19/12/2022. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, không có tiếng nói chung, bất đồng về quan điểm sống. Hiện tại, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Các bên đều xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không thể khắc phục mâu thuẫn vợ chồng để đoàn tụ cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Tại phiên hòa giải ngày 28/8/2024 các bên vẫn giữ nguyên ý kiến tại đơn yêu cầu thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án ghi nhận.

[2] Về con chung: Anh chị đều khai nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

[3] Về tài sản chung: Anh chị thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Các bên thỏa thuận anh **Trương Văn T** nộp toàn bộ lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự với số tiền 300.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

[5] Xét thấy, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ việc; các thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập Biên bản đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh **Trương Văn T** và chị **Hồ Phương T1** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Không xem xét

- Về quan hệ tài sản chung: Không xem xét.

- Về lệ phí Tòa án: anh **Trương Văn T** thỏa thuận chịu trách nhiệm nộp toàn bộ tiền lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí anh **T** đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/230002662 ngày 19 tháng 7 năm 2024. Anh **T** đã nộp đủ lệ phí vụ việc.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### ***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bồ Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bồ Trạch;
- Các đương sự;
- UBND xã Đức Trạch  
(GCNKH, ngày 19/12/2022)
- Lưu hồ sơ.

#### **THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Lê Quang Minh**